

RECEIVED

INTAKE FORM
Mẫu DƠN VỀ LÝ LỊCH

FEB 23 1985

số 2/23/85
thời 3/9/85
cáo 4/27/85Mẫu D
ODP.

F

NAME (TÊN) : LE XUAN DO
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 06 13 1936
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Male Female (Nữ):

MARITAL STATUS : Single (Độc thân): Married (có lập gia đình):
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 339/5 NGUYEN VAN TROI
(Địa chỉ tại VN) : QUAN 3 TP HO CHI MINH

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không): Yes (Có) No (Không):
: If yes (Nếu Có): From (Từ): 06-14-75 To (Đến): 08-09-84

PLACE OF RE-EDUCATION: XUAN LOC CAMP
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp): Unemployed

EDUCATION IN U.S. :
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp Bậc): Major

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ): Chief 4th Section, 56th Regt Date (Năm): 75
(Trong chính phủ VN) 2nd Division

APPLICATION FOR D.P.: Yes (Có): YES IV Number (số hồ sơ): No (Không):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo): Ten (10)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN: 339/5 NGUYEN VAN TROI Q. 3 TP HO CHI MINH
(Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF : LE TAN QUE
SPONSOR/RELATIVE
(Tên, Địa chỉ Thân nhân :
hay Người Bảo Tró)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): No (Không): No

RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN): Uncle

NAME AND SIGNATURE : LE TAN QUE

ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ĐT
của người điền đơn nay)

DATE : 1/3/85

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): LE XUAN DO
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
01 NGUYEN THI THAY	10-2-1933	wife
02 LE THI XUAN LOAN	12-5-1956	Daughter
03 LE XUAN SON	1-1-1963	Son
04 LE XUAN THANH	3-20-1964	Son
05 LE THI XUAN LAN	9-18-1965	Daughter
06 LE XUAN MINH HUNG	7-1-1967	Son
07 LE XUAN MINH KY	3-8-1970	Son
08 LE XUAN VIET ANH	7-11-1971	Son
09 LE XUAN VIET QUOC	10-12-1973	Son
10 LE THI XUAN HOA	5-29-1975	Daughter

ADDITIONAL INFORMATION:

BỘ NỘI VỤ
Trại XUAN LOC
Số 647 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Học tập -- Tự do -- Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT.GC, ban hành theo công văn số 2583 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	1	6	7	0	0	0	8	4	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 314/QĐ ngày 07 tháng 07 năm 1974

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LÊ XUAN ĐỒ Sinh năm 1936

Các tên gọi khác

Nơi sinh Thị xã Thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

339/5 Đường Nguyễn Văn Trỗi . Quận 5. TP/ HỒ CHÍ MINH

Cán tội Thiếu tá trưởng ban & Trung đoàn

Bị bắt ngày 14/06/1975 Án phạt TTCT

Theo quyết định, api văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 339/5 Nguyễn Văn Trỗi . Quận 5. TP/ HỒ CHÍ MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quên chế : 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 18 tháng 08 năm 1984

Lần tay ngỏu trợ phải
Của Lê Xuân Đồ

Danh bạ
Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Lê Xuân Đồ

Lê Xuân Đồ

Ngày 09 tháng 8 năm 1984

Giám thị

[Chữ ký]

Chức vụ: Trưởng văn phòng



Royal Malaysia Police

This is to certify that 2nd LT. LE XUAN DO

of SOUTH VIETNAM POLICE has successfully

completed a JUNGLE WARFARE COURSE at the Police Field Force

Training School, KROH, UPPER PERAK Malaysia,

from 5.9.65 to 30.10.65

(S. KULASINGAM) DSP

COMMANDANT, PFETS.

for INSPECTOR GENERAL OF POLICE.



NATIONAL OFFICE

USCC Reference No. _____

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N. W. • WASHINGTON, D. C. 20004
(202) 659-6646/6647MIGRATION & REFUGEE SERVICE
DIOCESE OF ARLINGTON
200 N. GLEBE RD. REAR LOBBY
ARLINGTON, VA. 22203Date filed: 12/20/84 ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

Diocese of: _____

Your Name: Mr/Mrs/Miss LE TAN QUE Phone: (Home) _____
(Family name) (Middle name) (First) (Work) _____Your Address: _____
(Number) (Street) (City/County) (State) (Zip)Date of Birth: 08-15-57 Place of Birth: DANANG VIETNAMDate of Entry to U.S. 12-19-1981 From (country or camp): BATAAN PHILIPPINESMy Alien Registration Number is A25309372 My Naturalization Certificate No. is _____Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident Alien ☒ U.S. Citizen _____THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S.
AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE OR CLOSE ASSOCIATE TO THE U.S. OR ASIAN-AMERICANS:

Name of Principal Emigrant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
LE XUAN DO	6-13-1936	UNCLE	339/5 NGUYEN VAN TROI
	at THUA THIEN VN		QUAN 3 TP HO CH MINH VN

Number of close relatives accompanying Principal Emigrant: 10 (Full List on back)U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of Emigrant)U.S. Government Agency _____ Last Title/Grade _____
Name/Position of Supervisor _____EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____
Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor: _____EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):Ministry or Military Unit 56 Regt, 3rd Division Last Title/Grade MAJORName/Position of Supervisor CHIEF 4th SECTION, 56th Regt, 3rd DivisionWas time spent in re-education camp? Yes ☒ No _____ How long? 9 years, _____ monthsFORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP

School _____ Location _____

Type of Degree or Certificate _____

Dates of Employment or Training _____ to _____

(month/year) (month/year)

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____

Full name of the mother: _____ Her age: _____ Address: _____

Full name of the U.S. Citizen Father (if known): _____

His current address: _____

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature: _____ Date: 12-28-1984SUBSCRIBED AND SWORN BEFORE ME THIS December 28, 1984 (Date)Signature of Notary Public Noble B. Castle County of: ArlingtonUSCC FORM B (revised 12/83) My commission expires: September 7, 1987

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): LE XUAN DO
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
01 NGUYEN THI THAY	10-2-1933	WIFE
02 LE THI XUAN LOAN	12-5-1956	DAUGHTER
03 LE XUAN SON	1-1-1963	SON
04 LE XUAN THANH	3-20-1964	SON
05 LE THI XUAN LAN	9-18-1965	DAUGHTER
06 LE XUAN MINH HUNG	7-1-1967	SON
07 LE XUAN MINH KY	3-8-1970	SON
08 LE XUAN VIET ANH	7-11-1971	SON
09 LE XUAN VIET QUOC	10-12-1973	SON
10 LE THI XUAN HOA	5-29-1975	DAUGHTER

ADDITIONAL INFORMATION:

Fr: Lê Quê'

10/10/1979
10/10/1979
10/10/1979
10/10/1979

To: HOI GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VIET NAM

P.O Box 5435

Arlington , V.A. 22205 - 0635



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE XUAN DO
Last Middle First

Current Address: 339/5 Nguyen Van Tra 03 Ho Chi Minh

Date of Birth: 06-13-36 Place of Birth: _____

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-14-75 To 08-09-84
Years: 9 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Le Tan Que</u>	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

RESIDENT ALIEN

LE, QUE



NAME

081557

DOB

A25309372

ALIEN NUMBER

WAS REG

POS

CLASS

Handwritten signature



ALIEN REGISTRATION RECEIPT CARD

PERSON IDENTIFIED BY THIS CARD IS ENTITLED TO RESIDE PERMANENTLY AND WORK IN THE U.S.

25309372 11 66 755 662 28686

5331 12708 45015 77457 42598

121981 266 089 12000 2390263

RECEIVED

FORM 1-581-255-77

PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên: *Lê Xuân Đo*

— Card

✓ Thò hồ tuc, cam ờn

✓ Giấy ra trại

— Cấp bằng, huy chứng

— Hồ sơ đầy đủ (Thò đủ hồ sơ)

✓ Computer

- Các thủ khác :

— Mẫu D

— ODP list

— Labels

— Folder

— Hồ sơ căn xerox

— Hồ sơ đã chuyển ODP
ngày _____